

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 88/2020/HNGĐ-DS ngày 15 tháng 5 năm 2020, giữa:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị T – Sinh năm: 1992.

Nơi ĐKKHKT: Thôn C, xã B, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Chỗ ở hiện nay: Thôn X, xã B, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Anh Lê Đức D – Sinh năm: 1984.

Nơi ĐKKHKT và Chỗ ở hiện nay : Thôn C, xã B, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ vào Điều 144, Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tổ tụng dân sự;
Căn cứ vào Điều 55; 57; 58; 68; 69; 70; 71; 72; 81; 82; 83; 84; 110; 116; 117
và Điều 119 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 6; 9; 26 và điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 03 tháng 6 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 03 tháng 6 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Nguyên đơn chị Lê Thị T và bị đơn anh Lê Đức D.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về hôn nhân:* Chị Lê Thị T và anh Lê Đức D có ý kiến chung thống nhất. Anh chị kết hôn với nhau hoàn toàn tự nguyện, không ai bị lừa dối, ép buộc và có giấy chứng nhận kết hôn do UBND xã B, huyện N, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 27/02/2013. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là trong quá trình vợ chồng chung sống thường xuyên bất

đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng hay cãi vã, xúc phạm lẫn nhau. Từ tháng 6 năm 2016 đến nay vợ chồng đã sống ly thân nhau không ai quan tâm, chăm sóc gia đình chung. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cả chị T và anh D đều thống nhất thỏa thuận, thuận tình ly hôn.

- *Về con chung*: Chị Lê Thị T và anh Lê Đức D đều có ý kiến chung và cùng thống nhất: Trong quá trình chung sống vợ chồng không ai có con riêng và có với nhau 01 con chung. Cháu tên là: Lê Bảo C – Giới tính: Nữ - SN: 26/6/2014. Cháu phát triển bình thường về thể lực và trí lực, không ốm đau bệnh tật gì. Hiện tại cháu đang sống cùng anh D tại Thôn C, xã B, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Ly hôn, chị T và anh D đều có ý kiến chung, thống nhất giao cháu Bảo C cho anh D trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và chị T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng là 1.000.000đ (Một triệu đồng) đến khi cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi). Thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 07/2020 đến khi cháu Bảo Châu trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Chị T có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được phép ngăn cản chị thực hiện quyền này, chị T có quyền làm đơn xin thay đổi quyền nuôi con theo quy định.

- *Về tài sản và nghĩa vụ chung*: Chị Lê Thị T và anh Lê Đức D thống nhất không yêu C Tòa án giải quyết.

- *Về án phí*: Chị Lê Thị T và anh Lê Đức D có ý kiến chung và cùng thống nhất: Chị T phải nộp 150.000 đồng tiền án phí DS- HNGĐ sơ thẩm và 150.000đ tiền án phí DSST không giá ngạch vì là người phải đóng tiền cấp dưỡng nuôi con. Chị T đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, theo biên lai thu tiền số AA/2017/0003505, ngày 15 tháng 5 năm 2020. Vì vậy, chị T đã nộp đủ án phí. Anh D không phải nộp tiền án phí DS-HNGĐ sơ thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu C thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện N;
- THA DS huyện N;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã B;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(Đã ký và đóng dấu)

Ngô Công Tuấn